

Đồng Nai, ngày 26 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty
- Hội đồng Quản trị Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-TLVN ngày 21/5/2019 của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam về việc ban hành Quy chế thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nội bộ VINATABA;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hòa Việt;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Hòa Việt;
- Căn cứ Báo cáo tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Hòa Việt lập ngày 29/3/2021, đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện soát xét, Báo cáo kết quả kiểm toán tại văn bản số 21/2021/KT-AV1-TC2, ngày 29/3/2021.

Ban Kiểm soát, xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kiểm tra, giám sát năm 2020 tại Công ty Cổ phần Hòa Việt như sau:

1. Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1.1. Tổ chức của Ban kiểm soát Công ty

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hòa Việt gồm có 03 thành viên, làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát; nhân sự hiện nay của Ban kiểm soát Công ty gồm:

- Ông Đào Xuân Lập Trưởng Ban
- Ông Phạm Nguyên Bình Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Hồng Sơn Thành viên

2. Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính các quý, 6 tháng đầu năm và cả năm tài chính, nhằm đảm bảo số liệu kế toán được ghi chép, phản ánh phù hợp, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty; đồng thời đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định khác của pháp luật.



- Kiểm tra, giám sát HĐQT và Ban giám đốc Công ty trong việc thực thi Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các kiến nghị của các cơ quan liên quan, Kiến nghị của Ban kiểm tra, kiểm soát Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam cũng như những kiến nghị do kiểm toán độc lập đưa ra; xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi các cổ đông.

- Tham gia góp ý sửa đổi bổ sung, ban hành mới các văn bản, quy chế, quy định của Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành.

- Tổ chức kiểm tra thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán thống kê liên quan tới chi phí đầu tư, thu mua, quản lý công nợ và thực hiện Hợp đồng đầu tư thu mua nguyên liệu và các công tác khác tại các Chi nhánh.

- Kiểm tra tính tuân thủ các qui định của ĐHCĐ, HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT cũng như của Công ty trị theo thư mời.

- Kiểm tra, soát xét các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát năm 2020

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ban hành trong năm 2020: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 58/NQ-CPHV ngày 29/6/2020 và Nghị quyết ĐHCĐ bất thường số 216/NQ-CPHV ngày 16/12/2020.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2020: Nghị quyết số 35/NQ-CPHV, ngày 25/3/2020 (Phiên họp quý 1/2020); Nghị quyết số 76/NQ-CPHV, ngày 22/7/2020 (Phiên họp quý 3/2020); Nghị quyết số 193/NQ-CPHV ngày 27/10/2020 (Phiên họp quý 4/2020); Nghị quyết số 54a/NQ-CPHV ngày 24/6/2020, Nghị quyết số 60/NQ-CPHV, ngày 30/6/2020, Nghị quyết số 218/NQ-CPHV ngày 16/12/2020, Nghị quyết số 219/NQ-CPHV ngày 24/12/2020 và Nghị quyết số 220/NQ-CPHV ngày 28/12/2020 (NQ về công tác cán bộ).

- Xem xét, việc ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương của HĐT về việc vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD của Công ty: Văn bản số 400/CPHV-HĐQT ngày 17/8/2020.

- Giám sát kết quả kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tại Công ty và các Chi nhánh tại thời điểm 0h ngày 01/01/2020: Biên bản họp ngày 14/01/2020 về việc xử lý kết quả kiểm kê thời điểm 31/12/2019.

- Thường xuyên thực hiện soát xét việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ QLTC, chế độ KTTK trong sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng và quản lý tài sản, quản lý doanh thu, quản lý chi phí và giá thành, hạch toán và lập Báo cáo kế toán phát sinh hàng quý và cả năm 2020.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, lập Báo cáo trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020: BB thẩm định BCTC năm 2019 ngày 20/3/2020; Báo cáo thẩm định BCTC năm 2019 số 146/BC-CPHV ngày 20/3/2020; Báo cáo của BKS tại ĐHCĐ thường niên ngày 10/4/2020.

- Thẩm định Báo cáo thực hiện lao động tiền lương năm 2019 và xây dựng kế hoạch tiền lương năm 2020 tại Công ty Cổ phần Hòa Việt; Báo cáo của BKS số 02.2020/BC-BKS, ngày 16/4/2020.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020: BB thẩm định BCTC ngày 19/8/2020; Báo cáo của BKS số 405/BC-CPHV ngày 21/8/2020.

- Kiểm tra, lập Báo cáo tài chính Quý 1/2020 (Biên bản kiểm tra thẩm định BCTC Quý 1/2020 ngày 27/4/2020) và quý 3/2020 (Biên bản kiểm tra thẩm định BCTC Quý 3/2020 ngày 30/10/2020).

- Kiểm soát việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, thống kê liên quan tới chi phí đầu tư, thu mua, quản lý công nợ và thực hiện HĐ đầu tư thu mua nguyên liệu tại các Chi nhánh của Công ty vụ mùa 2019-2020.

- Kiểm tra, soát xét, lập Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát và tình hình hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm (Báo cáo số 312/BC-CPHV, ngày 29/6/2020) và năm 2020 của Công ty (Báo cáo số 625/BC-CPHV ngày 15/12/2020).

- Kiểm tra, soát xét nội dung ban hành thang lương, bảng lương tại Công ty Cổ phần Hòa Việt theo Quyết định số 02,03,04/QĐ-CPHV ngày 07/02/2020 và Quyết định số 07/QĐ-CPHV ngày 12/02/2020 về ban hành thang lương, bảng lương tại Công ty Cổ phần Hòa Việt.

- Kiểm tra, soát xét nội dung ban hành Hệ thống thông tin bằng văn bản theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Sổ tay, thủ tục kiểm soát và Hướng dẫn công việc) tại công ty Cổ phần Hòa Việt: Thông báo số 179a/ TB-CPHV ngày 20/02/2020 và Thông báo số 210/ TB-CPHV ngày 29/4/2020.

- Báo cáo Giám sát tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro tại đơn vị: Báo cáo số 01.2020/BC-BKS ngày 02/03/2020, Báo cáo số 03.2020/BC-BKS ngày 29/4/2020, Báo cáo số 04.2020/BC-BKS ngày 20/7/2020 và Báo cáo số 05.2020/BC-BKS ngày 20/10/2020.

- Thực hiện kiểm tra, soát xét một số nội dung khác thuộc thẩm quyền.

4. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

Tổng tiền lương, thưởng và thù lao thực chi cho Ban kiểm soát trong năm 2020 là 516.570.955 đồng; trong đó:

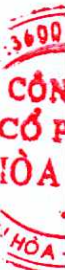
- Đối với KSV chuyên trách (01 người): Tiền lương, tiền thưởng là 375.570.955 đồng

- Đối với KSV không chuyên trách (02 người): Thù lao chi 2020 là 120.000.000 (bằng với mức chi năm 2019 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua là 5 triệu đồng/người/tháng); tiền thưởng thực chi là 21.000.000 đồng.

5. Các đề nghị của Ban kiểm soát

5.1. Đối với Công ty

- Về tài sản không cần dùng: đề nghị Công ty tích cực liên hệ Tổng Công ty để hoàn thành việc phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017. Nhanh chóng triển khai phương án khi được phê



duyệt nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, giảm chi phí phát sinh như thuế bảo vệ trồng giữ, tiền thuê đất, khấu hao tài sản cũng như sai phạm về quản lý và sử dụng đất.

- **Về quản lý và sử dụng đất:** đề nghị Công ty thường xuyên rà soát, phân loại và đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai được nhà nước giao quyền sử dụng. Kịp thời bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan tới quản lý, sử dụng đất theo qui định (Giấy chứng nhận QSDĐ, Hợp đồng thuê đất....) cũng như thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai thuộc phạm vi quản lý, có đề xuất kịp thời cấp có thẩm quyền nhằm xử lý tồn đọng, vướng mắc trong quản lý, sử dụng đất; trong đó có việc thống nhất với địa phương về đơn giá thuê đất để ký phụ lục Hợp đồng thuê đất tại khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính cũng như hạch toán ghi sổ kế toán, phù hợp chuẩn mực kế toán.

- **Về tình hình công nợ:** Công ty cần thường xuyên soát xét, phân loại công nợ, bổ túc hồ sơ các khoản nợ phải thu khó đòi, tích cực đề ra các giải pháp quản lý, xử lý, đôn đốc thu hồi công nợ theo qui chế Công ty và qui định của pháp luật nhằm hạn chế rủi ro làm thất thoát vốn cũng như tạo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để xử lý các khoản nợ khó đòi theo qui định, đặc biệt đối với khoản nợ của Công ty TNHH Thiên Lợi Hòa 11.623.455.634 đồng và Công ty Cổ phần đầu tư Nội Bài (1.365.210.205 đồng).

5.2. Đối với Tổng Công ty

- **Về xử lý tài sản không cần dùng tại các cơ sở đã giải thể, ngưng hoạt động do thu hẹp sản xuất:** Tổng Công ty cần đề nghị cấp có thẩm quyền nhanh chóng xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của Công ty, theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, giúp Công ty sớm triển khai kế hoạch thanh lý, nhượng bán tài sản không cần dùng tại các cơ sở trên để thu hồi vốn phục vụ SXKD và tránh rủi ro pháp lý trong quản lý, sử dụng đất.

- **Về tồn đọng vướng mắc thủ tục pháp lý xác định nghĩa vụ tài chính nộp tiền thuê đất:** Đề nghị Tổng Công ty hỗ trợ giúp Công ty xử lý dứt điểm vướng mắc trong việc xác định đơn giá thuê đất (giá đất điều chỉnh tăng quá cao so với giai đoạn từ 01/01/2006 đến 31/12/2010) để ký phụ lục Hợp đồng thuê đất tại khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 31/12/2015 như ý kiến ngoại trừ mà đơn vị Kiểm toán đưa ra tại Báo cáo kết quả kiểm toán tại văn bản số 21/2021/KT-AV1-TC2, ngày 29/3/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (riêng đối với tiền thuê đất giai đoạn từ 01/01/2016 đến nay, Công ty đã nộp đầy đủ như thông báo của Cục Thuế Đồng Nai, không còn nợ tồn đọng).

- **Về xử lý nợ tồn đọng, khó đòi:** đề nghị Tổng Công ty xem xét, có hướng chỉ đạo giúp Công ty xử lý khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH Thiên Lợi Hòa, phát sinh từ năm 2006 (Công ty đã trích lập dự phòng khoản nợ này; Hiện nay, Công ty TNHH Thiên Lợi Hòa bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, Giám đốc Công ty đang thi hành án 28 năm tù, tính từ ngày 09/9/2006-theo phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao TP Hà Nội số 219/2009/HSPT ngày 17 tháng 4 năm 2009).

- Về phát triển vùng nguyên liệu: Đề nghị Tổng Công ty hỗ trợ Công ty xây dựng chiến lược phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá ổn định cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sản xuất thuốc lá trong nước cũng như nhu cầu xuất khẩu. Tổng Công ty cần có chính sách phù hợp, kết nối chuỗi cung ứng và giá trị trong tổ hợp tạo điều kiện để Công ty đầu tư phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đáp ứng yêu cầu thị trường cũng như đảm bảo hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2020.

Báo cáo tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Hòa Việt lập ngày 29/3/2021, đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện soát xét, Báo cáo kết quả kiểm toán tại văn bản số 21/2021/KT-AV1-TC2, ngày 29/3/2021.

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 (Kèm theo Phụ lục 01)

2. Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 (Kèm theo Phụ lục 02)

3. Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020 của Công ty

3.1. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2020 (Kèm theo Phụ lục 03)

3.2. Phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020

3.2.1. Về vốn chủ sở hữu

- Vốn CSH 31/12/2019: 133,618 tỷ đồng,
- Vốn CSH 31/12/2020: 142,674 tỷ đồng, trong đó: Vốn góp của CSH: 128,531 tỷ đồng và Quỹ ĐTPT: 21,678 tỷ đồng
- Nhận xét: do chưa xử lý dứt điểm lỗ lũy kế từ năm 2017 chuyển sang; Công ty cần sớm có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cắt lỗ và tiến tới có lãi để bảo toàn và phát triển vốn CSH.

3.2.2. Về tổng doanh thu

- Tổng doanh thu năm 2019: 366,190 tỷ đồng
- Tổng doanh thu năm 2020: 437,549 tỷ đồng
- So với năm 2019, tổng doanh thu của Công ty năm 2020 bằng 119,49 %, tương ứng tăng 71,359 tỷ đồng.
- So với kế hoạch năm 2020 (386 tỷ đồng) bằng 113%, tương ứng tăng 51,549 tỷ đồng.
- Nhận xét: Công ty đã tích cực tiêu thụ hàng tồn kho cũng như tìm kiếm khách hàng để tăng doanh thu từ mua bán nguyên liệu không qua đầu tư. So với CKNT, doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm năm 2020 đạt 347 tỷ đồng, bằng 134%, tương ứng tăng 87 tỷ đồng; trong khi doanh thu gia công tách cọng chỉ đạt 44 tỷ, bằng 78%, tương ứng giảm 12 tỷ đồng.

Để có thể tăng doanh thu cũng như lợi nhuận; công ty cần tích cực tìm kiếm đơn hàng, mở rộng hoạt động đầu tư sản xuất nguyên liệu cũng như gia công tách cọng, là thế mạnh của Công ty đã từng có, khai thác cơ sở hiện có về kho bãi để tạo thêm doanh thu.



3.2.3. Về tổng chi phí thực hiện

- Tổng chi phí năm 2019: 355,623 tỷ đồng.
- Tổng chi phí năm 2020: 428,493 tỷ đồng.
- So với CKNT: Chi phí thực hiện năm 2020 bằng 120,49%, tăng 20,49% tương ứng tăng 72,87 tỷ đồng.

- Nhận xét: Công ty đã tăng cường kiểm soát để tiết giảm chi, đặc biệt là chi phí tài chính (So với CKNT chỉ bằng 51%, tương ứng giảm 2,4 tỷ đồng), Chi phí bán hàng (so với CKNT chỉ bằng 91%, tương ứng giảm 0,5 tỷ đồng); Tuy nhiên, tổng chi phí thực hiện năm 2020 tăng so với CKNT do doanh thu hoạt động tăng 20%, làm tăng giá vốn hàng bán so với năm 2019 lên 75 tỷ, tương ứng tăng 24%, ngoài ra các yếu tố phí như lương ngừng việc, chi phí điện nước phục vụ hoạt động kho vận tăng cũng làm tăng chi phí thực hiện.

3.2.4. Tổng Lợi nhuận trước thuế

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019: 10,567 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020: 9,056 tỷ đồng.
- So với năm 2019: bằng 85,70%, giảm 1,5 tỷ đồng
- So với kế hoạch năm 2020 (9,00 tỷ đồng): bằng 100,62%, tăng 0,056 tỷ đồng.
- Nhận xét: Mặc dù Công ty đã nỗ lực phân đầu để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao cả doanh thu và lợi nhuận; tuy nhiên, doanh thu tăng chủ yếu từ việc tiêu thụ nguyên liệu không qua đầu tư (So CKNT bằng 328%, tương ứng tăng 51 tỷ đồng), Công ty cũng đã kiểm soát tốt chi phí nhưng so với CKNT lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 85,7%, tương ứng giảm 1,5 tỷ đồng.

Kết thúc năm tài chính 2020, công ty vẫn còn phải chuyển lỗ tới 14,97 tỷ đồng. Công ty cần phải có nhiều giải pháp mạnh mẽ, có tính đột phá hơn nữa để tăng doanh thu, đồng thời kiểm soát tốt chi phí để nâng cao lợi nhuận, sớm cắt lỗ, tiến tới kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu cũng như đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

3.2.5. Hệ số khả năng thanh toán

a) Hệ số khả năng thanh toán hiện thời

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời 31/12/2019 là 1,99 lần >1
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời 31/12/2020 là 2,51 lần >1
- Nhận xét: So với CKNT, hệ số khả năng thanh toán hiện thời 31/12/2020 bằng 126,61%, tương ứng tăng 0,53 lần. Với chỉ số này, khả năng thanh toán hiện thời của Công ty đã được cải thiện, Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn.

b) Hệ số thanh toán nhanh

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh 31/12/2019 là 1,41 lần >1
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh 31/12/2020 là 2,00 lần >1
- Nhận xét: So với CKNT, hệ số khả năng thanh toán nhanh tại 31/12/2020 bằng 142,30%, tương ứng tăng 0,59 lần, khả năng thanh toán nhanh của Công ty đáp ứng tốt hơn CKNT. Tuy nhiên, Công ty cần xử lý tốt các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và nợ khó đòi, tích cực thu hồi nợ phải thu, qua đó cải thiện dòng tiền, đáp ứng kịp thời thanh toán các khoản nợ phải thanh toán nhanh hoặc phát sinh thanh toán đột xuất ngoài kế hoạch.

3.2.6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của Công ty năm 2019: 2,89%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của Công ty năm 2020: 2,07%
- Nhận xét: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu của Công ty năm 2020, bằng 71,70% so với năm 2019. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng để cải thiện doanh thu trong điều kiện khó khăn chung, ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19; Tuy nhiên, để thu hút nguồn hàng gia công tách cọng, Công ty phải chấp nhận giảm giá gia công cũng như áp dụng các chính sách nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ nên làm tăng chi phí nên tỷ suất lợi nhuận lĩnh vực gia công tách cọng năm 2020 chỉ bằng 80,84% năm 2019.

Ngoài ra doanh thu từ hoạt động tiêu thụ nguyên liệu không qua đầu tư năm 2020 gấp 3,2 lần năm 2019; trong khi tỷ suất sinh lời từ doanh thu tiêu thụ nguyên liệu không qua đầu tư rất thấp; Mặc dù Công ty đã kiểm soát tốt chi phí nhưng tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2020, thấp hơn CKNT cũng như so với ngành. Công ty cần có kế hoạch khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có, tìm kiếm phương án kinh doanh mới để tăng doanh thu, nâng cao lợi nhuận nhằm cải thiện chỉ tiêu này.

3.2.7. Khả năng sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA)

- Tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản BQ năm 2019: 4,74%.
- Tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản BQ năm 2020: 4,77%
- Nhận xét: Lợi nhuận thu được trên tổng tài sản BQ trong năm 2020, so với CKNT bằng 100,58%, nhưng còn thấp so với ngành. Hiện nay, do khó khăn trong sản xuất kinh doanh, qui mô thu hẹp, doanh thu giảm sút nhưng một số tài sản không có nhu cầu sử dụng tại các vùng trồng đã giải thể, ngưng hoạt động chưa được xử lý đã ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả sử dụng tài sản. Công ty cần tích cực tìm phương án xử lý kịp thời, hiệu quả tài sản không cần dùng, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư hợp lý để nâng chỉ số này.

3.2.8. Khả năng sinh lời của vốn CSH bình quân (ROE)

- Tỷ lệ sinh lời trên vốn CSH BQ năm 2019: 8,23% (KH: 5,30%).
- Tỷ lệ sinh lời trên vốn CSH BQ năm 2020: 6,56% (KH: 6,00%).
- Nhận xét: Công ty đã nỗ lực phấn đấu trong điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên so với CKNT chỉ bằng 79,61% cũng như ngành, khả năng sinh lời của vốn CSH năm 2020 của Công ty là thấp. Công ty cần có kế hoạch để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận, cải thiện chỉ tiêu này nhằm bảo toàn và phát triển vốn của CSH cũng như đảm bảo lợi tức cho cổ đông góp vốn.

3.2.9. Vòng quay vốn lưu động

- Vòng quay vốn lưu động năm 2019 là 2,58 lần, tương đương với 140 ngày/vòng.
- Vòng quay vốn lưu động năm 2020 là 3,40 lần, tương đương với 106 ngày/vòng.
- Nhận xét: So với CKNT, vòng quay vốn lưu động năm 2020 tăng 0,81 lần, tương đương giảm 34 ngày/ vòng, chứng tỏ Công ty đã tích cực tiêu thụ hàng hoá cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu, cải thiện dòng tiền, đảm bảo vốn cho kinh doanh.

3.2.10. Vòng quay hàng tồn kho

- Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 là 6,47 lần, tương đương với 55,67 ngày/vòng.



- Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 là 6,86 lần, tương đương với 52,50 ngày/vòng.

- Nhận xét: So với CKNT, vòng quay hàng tồn kho năm 2020 tăng 0,39 lần, tương đương giảm 3,17 ngày/ vòng. Công ty thực hiện tốt chủ trương của HĐQT trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trên cơ sở đơn hàng thông qua Hợp đồng nguyên tắc, tích cực tiêu thụ hàng hóa, đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho để thu hồi vốn, bổ sung nguồn vốn phục vụ kinh doanh.

3.2.11. Hệ số an toàn vốn

- Hệ số an toàn vốn năm 2019: 1,09 lần >1

- Hệ số an toàn vốn năm 2020: 1,07 lần >1

- Nhận xét: Công ty vẫn đảm bảo duy trì bảo toàn vốn song còn thấp. Công ty cần nâng cao hiệu quả kinh doanh để sớm xử lý khoản lỗ chuyển từ năm 2017 sang để bảo toàn và phát triển vốn CSH.

3.3. Nhận xét về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty năm 2020

3.3.1. Nhận xét chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Qua phân tích kết quả hoạt động SXKD và các chỉ số tài chính của Công ty trong năm 2020 cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do đại dịch covid – 19 cũng như khó khăn chung của ngành (đặc biệt là hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên liệu thuốc lá và gia công tách cọng); tuy nhiên, Công ty đã thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm trong điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh như tìm kiếm, thuyết phục để tranh thủ sự ủng hộ từ khách hàng để bán hàng cũng như tạo nguồn hàng cho sản xuất gia công tách cọng, giảm thiểu lương ngừng việc, thực hiện quyết liệt việc tái cơ cấu, định biên lao động hợp lý, thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí, tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu, nên đã đạt và vượt các Chỉ tiêu kế hoạch được giao. So với Kế hoạch Chủ sở hữu giao cho Công ty năm 2020 thì doanh thu tăng 13%, lợi nhuận tăng 0,62% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH tăng 0,03%.

3.3.2. Đánh giá chung về tình hình tài chính của Công ty năm 2020

Về tình hình tài chính của Công ty năm 2020, đã có sự chuyển biến tích cực song còn tiềm ẩn nhiều khó khăn. Công ty đã kiểm soát tốt chi phí và dòng tiền, đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh, bảo toàn được vốn của CSH. Tuy nhiên, do điều kiện kinh doanh nguyên liệu cũng như gia công tách cọng nguyên liệu (ngành nghề chính của Công ty) gặp nhiều khó khăn, rủi ro cao nên một số chỉ tiêu tài chính liên quan tới hiệu quả hoạt động kinh doanh như khả năng sinh lời trên vốn CSH hay khả năng sinh lời trên tổng tài sản đạt thấp so với CKNT cũng như so với ngành.

Tính đến 31/12/2020, công ty vẫn còn phải chuyển lỗ 14,97 tỷ đồng. Dự báo tình hình tài chính Công ty trong thời gian tới còn nhiều khó khăn do sản lượng, doanh thu sụt giảm, đòi hỏi Công ty cần phải nỗ lực phấn đấu, tiết giảm tối đa chi phí để nâng cao lợi nhuận mới có thể ổn định tình hình, phát triển kinh doanh để cắt lỗ sớm, tiến tới kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn CSH, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

3.3.3. Đánh giá về một số nội dung trong BCTC đã được kiểm toán:

a) Về các khoản nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu khó đòi, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng và các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản, các khó khăn khác phù hợp với Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty là: 57,049 tỷ đồng trong đó; Công ty đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi từ khoản nợ xấu là: 15,725 tỷ đồng (giá gốc là 15,806 tỷ đồng);

Riêng với khoản nợ xấu 11,623 tỷ đồng của Công ty TNHH Thiên lợi Hòa (đã trích dự phòng 100% theo giá gốc); Hiện nay, Công ty TNHH Thiên Lợi Hòa bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, giải thể theo quyết định 10679/17 ngày 30/11/2017 của phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp; Giám đốc doanh nghiệp đang thi hành án (28 năm tính từ ngày 09/9/2006-theo phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao TP Hà Nội số 219/2009/HSPT ngày 17 tháng 4 năm 2009). Khoản nợ của Công ty TNHH Thiên lợi Hòa không có khả năng thu hồi, Công ty đang tiến hành các thủ tục đề nghị xóa nợ theo qui định.

Đối với các khoản phải thu khác, Công ty cần tức cực đôn đốc thu hồi nhằm cải thiện dòng tiền; đặc biệt với các khoản nợ xấu, công ty cần phải đánh giá, phân loại, bổ túc hồ sơ, đề ra các biện pháp tích cực, hiệu quả hơn nữa nhằm sớm thu hồi số nợ xấu này hạn chế thiệt hại, thất thoát vốn của Chủ sở hữu.

b) Các khoản nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải trả ngắn hạn của công ty là: 47,673 tỷ đồng trong đó, người mua trả trước tiền mua nguyên liệu là 23,20 tỷ đồng, phải trả cho nhà cung cấp nguyên vật liệu là 10,473 tỷ đồng và phải trả cho người lao động là 11,420 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty không còn các khoản vay tín dụng; Hệ số khả năng thanh toán hiện thời 31/12/2020 là 2,51 lần >1. Công ty có thể đáp ứng việc chi trả các khoản trong ngắn hạn mặc dầu tình hình tài chính vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do sản xuất bị ngưng trệ kéo dài, doanh thu thấp.

c). Hàng tồn kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho Công ty được xác định theo giá gốc (chi phí mua và chi phí liên quan khác) theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2020, giá trị hàng tồn kho công ty là: 24,470 tỷ đồng trong đó dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 0,272 tỷ đồng. Năm 2020, Công ty đã tích cực bán hàng nên so với CKNT giá trị hàng tồn kho chỉ bằng 66,94%.

d) Quản lý sử dụng tài sản

Cơ cấu tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020: tài sản dài hạn chiếm 41%, tài sản ngắn hạn chiếm 59% trên tổng tài sản cơ bản là hợp lý.

Đối với tài sản dài hạn, hiện còn một số tài sản tại các vùng trồng nguyên liệu (chủ yếu là nhà cửa vật kiến trúc) không sử dụng nhưng vẫn còn phải trích khấu hao,



do cắt giảm qui mô cũng như nhu cầu sử dụng nguyên liệu của khách hàng có sự thay đổi lớn về chất lượng nên tại các vùng trồng buộc phải ngưng sản xuất hoặc giải thể. Công ty đã có văn bản đề nghị Tổng Công ty, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, thanh lý số tài sản này; tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có kết quả phê duyệt nên không thể triển khai kế hoạch thanh lý số tài sản trên, thu hồi vốn phục vụ kinh doanh.

Đối với tài sản ngắn hạn, Công ty lưu ý xử lý tốt các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cũng như dự phòng nợ khó đòi theo qui định để cải thiện tình hình tài chính trong thời gian tới.

III. Hoạt động giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra các chủ trương, giải pháp hiệu quả, chỉ đạo Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tháo gỡ những khó khăn.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, làm tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra Hội đồng quản trị đã sửa đổi và ban hành kịp thời các quy định, quy chế mới để thực hiện phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty và quy định của luật pháp Nhà nước.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc (BGĐ)

BGĐ đã tổ chức, triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty cũng như các đề nghị của Ban kiểm soát Công ty.

BGĐ đã tích cực chỉ đạo các phòng chức năng tìm biện pháp nâng cao chất lượng nguyên liệu thuốc lá, đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, thực hiện đúng chủ trương của HĐQT sản xuất theo đơn hàng, hạn chế tồn kho nguyên liệu; rà soát, sắp xếp nhân sự hợp lý, thay đổi phương thức đầu tư, tạo sự chủ động, linh hoạt trong thu mua nguyên liệu, tiết kiệm chi phí, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hoạt động của Ban Kiểm soát dựa trên cơ sở qui định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Qui chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát tại Công ty cùng các Qui định khác liên quan.

Năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGĐ dựa theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đảm bảo mục tiêu phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh, bảo toàn, phát triển vốn và vì quyền lợi cổ đông trên cơ sở tuân thủ qui định của Pháp luật.

Ban Kiểm soát Công ty luôn được HĐQT và Ban điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi để thu thập thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu trong quá trình kiểm tra, giám sát. Khi có yêu cầu của Ban kiểm soát, các đơn vị, đối tượng kiểm tra đều cung cấp đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quá trình kiểm tra, kiểm soát nhằm thực hiện tốt chương trình, kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát đã đề ra cũng như yêu cầu phát sinh từ cơ sở nhằm đáp ứng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, yêu cầu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

V. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TLVN ngày 01/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam ban hành Chương trình Kiểm tra, giám sát của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam năm 2021;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cũng như thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hòa Việt.

Ban Kiểm soát Công ty, xây dựng chương trình công tác năm 2021 như sau:

T	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị/ cá nhân phối hợp
01	Giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và công tác quản trị rủi ro tại đơn vị	Hàng quý	BGD, thư ký HĐQT, Ban ISO, Các đơn vị phòng, ban NV
02	Kiểm soát việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ KTTK trong sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng và quản lý tài sản, quản lý doanh thu, quản lý chi phí và giá thành, hạch toán và lập báo cáo kế toán phát sinh trong năm	Thường xuyên	Ban GD, Phòng TCKT và các Phòng NV
03	Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020, lập Báo cáo trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021	Quý 1/2021	Ban GD, phòng TCKT và các Phòng NV
04	Giám sát kết quả kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tại Công ty tại 0h ngày 01/01/2021	Quý 1/2021	Ban GD, Ban Kiểm kê
05	Kiểm soát việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ KTTK liên quan tới hoạt động đầu tư, thu mua, quản lý công nợ tại các Chi nhánh của Công ty vụ mùa 2019-2020 và vụ 2020-2021.	Quý 1/2021 và quý 4/2021	Ban GD, Phòng TCKT và các Chi nhánh
06	Kiểm tra, soát xét, lập Báo cáo tình hình hoạt động SXKD, hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm 2021.	Quý 2/2021 và quý 4/2021	Ban GD, phòng TCKT và các Phòng NV
07	Thẩm định Báo cáo tài chính Quý 1/2021 và Quý 3/2021.	Quý 2/2021 và quý 4/2021	Ban GD, phòng TCKT và các Phòng NV
08	Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021.	Quý 3/2021	Ban GD, P.TCKT, các Phòng NV
09	Soát xét việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan tới Điều lệ, Quy chế, định mức KTKT của Công ty theo qui định	Thực hiện khi có phát sinh	Ban GD, các phòng Nghiệp vụ
10	Tham gia kiểm tra, giám sát một số nội dung theo Kế hoạch kiểm soát của Ban Kiểm tra, Kiểm soát Tổng Công ty	Theo KH của Ban KTKS Tổng Cty	Ban KTKS Tổng Công ty, HĐQT, Ban điều hành Công ty

11	Tham gia kiểm tra, giám sát một số nội dung theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, UBKT Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Hòa Việt	Theo Kế hoạch phê duyệt	Phối hợp với Đảng ủy, UBKT Tổng Công ty và Công ty CPHV
12	Kiểm soát một số nội dung khác theo tình hình thực tế dựa trên chức năng nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông/nhóm cổ đông (theo qui định)	Theo tình hình thực tế	Các bộ phận liên quan

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hòa Việt, Kính trình Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

Trân trọng cảm ơn! ./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Lập

Phu lục 01: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
(Đính kèm Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ ngày 26/5/2021)

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	So sánh với CKNT	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
A	TỔNG TÀI SẢN	189.677.170.919	190.346.491.018	669.320.099	100,35%
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	111.336.196.008	119.875.794.048	8.539.598.040	107,67%
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	6.305.533.445	36.517.303.795	30.211.770.350	579,13%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	70.196.558.443	57.048.489.727	(13.148.068.716)	81,27%
	- Phải thu khách hàng	82.719.149.676	69.138.627.954	(13.580.521.722)	83,58%
	- Khoản trả trước cho người bán	903.178.195	625.753.254	(277.424.941)	69,28%
	- Phải thu khác	2.964.809.983	3.008.612.357	43.802.374	101,48%
	- Dự phòng phải thu khó đòi	(16.390.579.411)	(15.724.503.838)	666.075.573	95,94%
				-	
3	Hàng tồn kho	32.495.311.431	24.470.042.319	(8.025.269.112)	75,30%
	- Hàng tồn kho	36.964.656.178	24.743.990.943	(12.220.665.235)	66,94%
	- Dự phòng giảm giá Hàng TK	(4.469.344.747)	(273.948.624)	4.195.396.123	6,13%
				-	
4	TS ngắn hạn khác	2.338.792.689	1.839.958.207	(498.834.482)	78,67%
	- CP trả trước ngắn hạn	308.849.284	271.503.365	(37.345.919)	87,91%
	- Thuế GTGT được khấu trừ	1.484.245.254	1.022.756.691	(461.488.563)	68,91%
	- Thuế & các khoản khác phải thu	545.698.151	545.698.151	-	100,00%
	- Tài sản ngắn hạn khác				
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	78.340.974.911	70.470.696.970	(7.870.277.941)	89,95%
1	TS cố định	74.250.709.840	66.065.736.009	(8.184.973.831)	88,98%
1.1	TSCĐ hữu hình	73.063.401.131	65.003.758.540	(8.059.642.591)	88,97%
	- Nguyên giá	288.234.950.713	288.727.139.659	492.188.946	100,17%
	- GT hao mòn LK	(215.171.549.582)	(223.723.381.119)	(8.551.831.537)	103,97%
1.2	TSCĐ vô hình hình	1.187.308.709	1.061.977.469	(125.331.240)	89,44%
	- Nguyên giá	4.166.531.424	4.166.531.424	-	100,00%
	- GT hao mòn LK	(2.979.222.715)	(3.104.553.955)	(125.331.240)	104,21%
2	TS dở dang dài hạn	471.500.000	471.500.000	-	100,00%
	- CPXD dở dang	471.500.000	471.500.000	-	100,00%
3	Tài sản dài hạn khác	3.618.765.071	3.933.460.961	314.695.890	108,70%
	- CP trả trước dài hạn	3.618.765.071	3.933.460.961	314.695.890	108,70%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	189.677.170.919	190.346.491.018	669.320.099	100,35%
I	NỢ PHẢI TRẢ	56.059.310.888	47.672.971.894	(8.386.338.994)	85,04%
1	Nợ phải trả ngắn hạn	56.059.310.888	47.672.971.894	(8.386.338.994)	85,04%
	- Phải trả ngân hàng	12.219.903.002		(12.219.903.002)	



STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	So sánh với CKNT	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
	- Phải trả người bán	8.306.790.147	10.472.505.008	2.165.714.861	126,07%
	- Người mua trả tiền trước	22.991.933.334	23.200.000.000	208.066.666	100,90%
	- Thuế & các khoản phải nộp NN	101.251.339	60.634.424	(40.616.915)	59,89%
	- Phải trả người LĐ	8.211.711.306	11.419.529.781	3.207.818.475	139,06%
	- CP Phải trả ngắn hạn	988.574.134	665.731.279	(322.842.855)	67,34%
	- DT chưa thực hiện & Quỹ KT, PL	15.000.000	51.363.636	36.363.636	342,42%
	- Phải trả ngắn hạn khác	3.224.147.626	1.803.207.766	(1.420.939.860)	55,93%
				-	
2	Nợ phải trả dài hạn	-	-	-	
	- Dự phòng trợ cấp mất việc			-	
	- Phải trả ngân hàng dài hạn			-	
	- Phải trả dài hạn khác			-	
				-	
II	VỐN CSH	133.617.860.031	142.673.519.124	9.055.659.093	106,78%
	- Vốn góp của CSH	128.530.520.000	128.530.520.000	-	100,00%
	- CL tỷ giá hối đoái			-	
	- Quỹ đầu tư phát triển	21.678.400.100	21.678.400.100	-	100,00%
	- Quỹ khác thuộc vốn CSH	7.430.845.886	7.430.845.886	-	100,00%
	- LN sau thuế chưa PP - trong đó:	-24.021.905.955	-14.966.246.862	9.055.659.093	62,30%
	+, LNST chưa PP, LK đến CK trước	-34.588.795.328	-24.021.905.955	10.566.889.373	69,45%
	+, LNST chưa PP kỳ này	10.566.889.373	9.055.659.093	(1.511.230.280)	85,70%

Phụ lục 02: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
(Đính kèm Báo cáo của BKS tại ĐHDCĐ ngày 26/5/2021)

ĐVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	So sánh cùng kỳ năm trước	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.076.358.417	437.378.184.640	71.301.826.223	119,48%
	Nguyên liệu	136.448.073.704	135.393.800.845	-1.054.272.859	99,23%
	Thành phẩm	116.855.502.280	201.512.766.000	84.657.263.720	172,45%
	XK	6.220.032.000	9.559.373.280	3.339.341.280	153,69%
	Gia công	56.261.978.366	44.099.100.736	-12.162.877.630	78,38%
	Vật tư NN & VT khác	20.868.453.327	17.246.771.351	-3.621.681.976	82,65%
	Khác	29.422.318.740	29.566.372.428	144.053.688	100,49%
2	Các khoản giảm trừ DT	0	0	0	
	Hàng bán trả lại			0	
				0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.076.358.417	437.378.184.640	71.301.826.223	119,48%
4	Giá vốn	316.285.179.123	390.987.898.871	74.702.719.748	123,62%
	Nguyên liệu	129.991.837.492	131.361.614.572	1.369.777.080	101,05%
	Thành phẩm	106.430.064.596	188.578.870.695	82.148.806.099	177,19%
	XK	4.731.680.465	7.520.739.438	2.789.058.973	158,94%
	Gia công	44.308.786.781	36.524.806.955	-7.783.979.826	82,43%
	Vật tư NN & VT khác	19.560.644.998	16.421.385.219	-3.139.259.779	83,95%
	Khác	11.262.164.791	10.580.481.992	-681.682.799	93,95%
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.791.179.294	46.390.285.769	-3.400.893.525	93,17%
	Nguyên liệu	6.456.236.212	4.032.186.273	-2.424.049.939	62,45%
	Thành phẩm	10.425.437.684	12.933.895.305	2.508.457.621	124,06%
	XK	1.488.351.535	2.038.633.842	550.282.307	136,97%
	Gia công	11.953.191.585	7.574.293.781	-4.378.897.804	63,37%
	Vật tư NN & VT khác	1.307.808.329	825.386.132	-482.422.197	63,11%
	Khác	18.160.153.949	18.985.890.436	825.736.487	104,55%
6	DT hoạt động tài chính	13.610.319	49.076.499	35.466.180	360,58%
	Lãi vay NH	4.852.239	7.171.063	2.318.824	147,79%
	Lãi đầu tư			0	
	Lãi CL tỷ giá	8.758.080	41.905.436	33.147.356	478,48%
7	Chi phí tài chính	4.885.124.154	2.500.476.083	-2.384.648.071	51,19%
	CP lãi vay NH & Tcty	4.885.070.062	2.494.956.828	-2.390.113.234	51,07%
	Lỗ đầu tư			0	
	Lỗ CL tỷ giá	54.092	5.519.255	5.465.163	10203,46%

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	So sánh cùng kỳ năm trước	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
8	Chi phí bán hàng	5.308.818.240	4.854.865.992	-453.952.248	91,45%
	CP nhân công	175.756.191	213.774.919	38.018.728	121,63%
	CP NVL	965.531.595	722.358.126	-243.173.469	74,81%
	KHTSCĐ	1.461.155.880	1.417.294.870	-43.861.010	97,00%
	DV mua ngoài	2.667.827.389	2.494.009.895	-173.817.494	93,48%
	CP bằng tiền khác	38.547.185	7.428.182	-31.119.003	19,27%
9	Chi phí QLDN	29.143.658.551	30.141.973.984	998.315.433	103,43%
	CP nhân công	16.949.368.344	16.662.254.201	-287.114.143	98,31%
	CP NVL	1.561.235.339	1.301.057.072	-260.178.267	83,34%
	KHTSCĐ	647.160.006	863.481.119	216.321.113	133,43%
	CP dự phòng	62.029.706	-666.075.573	-728.105.279	-1073,80%
	DV mua ngoài	2.288.103.576	5.219.742.944	2.931.639.368	228,13%
	CP bằng tiền khác	7.635.761.580	6.761.514.221	-874.247.359	88,55%
10	LN thuần từ SXKD	10.467.188.668	8.942.046.209	-1.525.142.459	85,43%
11	Thu nhập khác	99.700.705	121.302.884	21.602.179	121,67%
	Thanh lý TSCĐ		30.601.074	30.601.074	
	Bán PL			0	
	TN khác	99.700.705	90.701.810	-8.998.895	90,97%
12	Chi phí khác	0	7.690.000	7.690.000	
	GTCL & Thanh lý TSCĐ			0	
	Bán PL			0	
	CP khác		7.690.000	7.690.000	
				0	
13	LN khác	99.700.705	113.612.884	13.912.179	113,95%
	Thanh lý TSCĐ	0	30.601.074	30.601.074	
	Bán PL	0	0	0	
	Khác	99.700.705	83.011.810	-16.688.895	83,26%
14	Tổng LN kế toán trước thuế	10.566.889.373	9.055.659.093	-1.511.230.280	85,70%
15	Điều chỉnh cho thuế TNDN	0	0		
	Các khoản CP không được trừ khi tính thuế				
16	Tổng TN chịu thuế	10.566.889.373	9.055.659.093	-1.511.230.280	85,70%
17	CP thuế TNDN hiện hành				
18	LN sau thuế TNDN	10.566.889.373	9.055.659.093	-1.511.230.280	85,70%

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	So sánh cùng kỳ năm trước	
				Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	822	705	-118	85,70%
19a	Trích lập quỹ KT, PL	0	0	0	
19b	LN phân bổ trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.566.889.373	9.055.659.093	-1.511.230.280	85,70%
19c	Số cổ phiếu bình quân gia quyền (CP)=CPĐK+(CP phát hành trong kỳ* số ngày lưu hành trong kỳ /Tổng số ngày trong kỳ) - (số CP mua lại trong kỳ *số ngày được mua lại Cp trong kỳ/Tổng số ngày trong kỳ)	12.853.052	12.853.052	0	100,00%

026219
 NG TY
 PHÂN
 A VIỆ
 T. B

Phụ lục 03: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2020
(Đính kèm Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ ngày 26/5/2021)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	So với CKNT	
					Tăng (+); giảm (-)	%
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	đồng	133.617.860.031	142.673.519.124	9.055.659.093	106,78%
2	Tổng doanh thu	đồng	366.189.669.441	437.548.564.023	71.358.894.582	119,49%
3	Tổng Chi phí	đồng	355.622.780.068	428.492.904.930	72.870.124.862	120,49%
4	Hàng tồn kho	đồng	32.495.311.431	24.470.042.319	(8.025.269.112)	75,30%
5	LN trước thuế	đồng	10.566.889.373	9.055.659.093	(1.511.230.280)	85,70%
6	LN sau thuế	đồng	10.566.889.373	9.055.659.093	(1.511.230.280)	85,70%
7	Tính tự chủ về tài chính					
-	Tổng nợ / tổng tài sản (DAR)	lần	0,30	0,25	(0,05)	84,74%
-	Tổng TS/vốn CSH	lần	1,42	1,33	(0,09)	93,98%
-	Tổng nợ / vốn CSH	lần	0,42	0,33	(0,09)	79,64%
8	Khả năng thanh toán					
-	HS Khả năng thanh toán hiện thời	lần	1,99	2,51	0,53	126,61%
-	HS Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,41	2,00	0,59	142,30%
9	Tính hiệu quả sử dụng vốn					
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,89%	2,07%	(0,01)	71,70%
-	Khả năng sinh lời của tài sản	%	4,74%	4,77%	0,03%	100,58%
-	Khả năng sinh lời của vốn CSH	%	8,23%	6,56%	-1,68%	79,61%
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ VDL	%	8,22%	7,05%	(0,01)	85,70%
10	Hiệu quả hoạt động					
-	Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,47	6,86	0,39	106,04%
	Số ngày 1 vòng quay	ngày	55,67	52,50	(3,17)	94,30%
-	Vòng quay các khoản phải thu	lần	4,25	7,73	3,48	181,85%
	Kỳ thu tiền bình quân	ngày	84,73	46,59	(38,14)	54,99%
-	Vòng quay vốn lưu động	lần	2,58	3,40	0,81	131,58%
	Số ngày 1 vòng quay	ngày	139,49	106,02	(33,48)	76,00%
-	Vòng quay tổng TS	lần	1,64	2,17	0,53	132,02%
	Số ngày 1 vòng quay	ngày	219,24	166,06	(53,18)	75,74%
11	HS bảo toàn vốn	lần	1,09	1,07	(0,02)	98,33%

